

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

MÃ SỐ: 9340201

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2102/QĐ-ĐHKT, ngày 21 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học kinh tế - ĐHQGHN)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Tài chính – Ngân hàng
 - + Tên tiếng Anh: Finance – Banking
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Tài chính – Ngân hàng
 - + Tên tiếng Anh: Finance – Banking
- Mã số ngành đào tạo: 9340201
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Thời gian đào tạo chuẩn: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người chưa có bằng thạc sĩ
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng
 - + Tên tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Finance - Banking
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng có kiến thức chuyên sâu về kinh tế, tài chính - ngân hàng; có phương pháp tư duy khoa học; có khả năng phát hiện, phân tích đánh giá các vấn đề mới trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có khả năng luận giải mới các kiến thức chuyên sâu, hiện đại về tài chính, ngân hàng.

- Tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng là người có năng lực chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu độc lập; có khả năng tổ chức, thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, trở thành các chuyên gia cấp cao trong việc phân tích, tư vấn, phản biện và thực thi chính sách kinh tế, các nhà hoạch định chính sách, các nhà lãnh đạo hàng đầu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Ký hiệu mục tiêu	Nội dung chi tiết
PO1	Có khả năng tổng hợp và vận dụng một cách hiệu quả các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực TCNH.
PO2	Có khả năng vận dụng thành thạo các lý thuyết khoa học nền tảng và tiên tiến, phương pháp nghiên cứu hiện đại để tổ chức nghiên cứu một cách độc lập, sáng tạo; phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học và/hoặc thực tiễn của chuyên ngành TCNH; đảm bảo đạo đức và liêm chính trong khoa học.
PO3	Có khả năng tìm kiếm và cập nhật các kiến thức mới liên quan; có khả năng trao đổi và chia sẻ các kiến thức chuyên môn trong môi trường quốc tế; khả năng hướng dẫn nghiên cứu, dẫn dắt nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực TCNH.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

- Có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng hoặc ngành/chuyên ngành phù hợp với ngành Tài chính - Ngân hàng.

* Trong trường hợp người dự tuyển có bằng đại học hoặc thạc sĩ phù hợp với ngành dự tuyển về chuyên môn nhưng không được quy định trong Danh mục giáo dục, đào tạo đại học, thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì điều kiện hợp lệ về văn bằng của người dự tuyển sẽ do Hội đồng tuyển sinh quyết định và có báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

* Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

3.2.2. Yêu cầu về kinh nghiệm nghiên cứu

Trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

3.2.3. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ

Người dự tuyển phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận.

3.2.4. Yêu cầu về thâm niên công tác

Người dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ Tài chính – Ngân hàng cần có ít nhất 2 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự thi).

3.2.5. Các yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; gián lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế

hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp

3.3.1. Văn bằng cử nhân

STT	Mã ngành	Tên ngành/chuyên ngành	Ghi chú
1	7340201	Tài chính – Ngân hàng	

3.3.2. Văn bằng thạc sĩ

Danh mục ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức:

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	8340201	Tài chính – Ngân hàng	

Danh mục ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức:

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	8310101	Kinh tế học	
2	8310102	Kinh tế chính trị	
3	8310104	Kinh tế đầu tư	
4	8310105	Kinh tế phát triển	
5	8310106	Kinh tế quốc tế	
6	8310107	Thống kê kinh tế	
7	8310108	Toán kinh tế	
8	8340410	Quản lý kinh tế	
9	8340101	Quản trị kinh doanh	
10	8340121	Kinh doanh thương mại	
11	8340204	Bảo hiểm	
12	8340301	Kế toán	
13	8340401	Khoa học quản lý	
14	8340402	Chính sách công	
15	8340403	Quản lý công	

STT	Mã số	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
16	8340404	Quản trị nhân lực	
17	8340405	Hệ thống thông tin quản lý	
18	8340406	Quản trị văn phòng	
19	8340412	Quản lý khoa học và công nghệ	
20	8310105.01	Chính sách công và phát triển	
21	Chuyên ngành thí điểm	Quản trị các tổ chức tài chính	
22	Chuyên ngành thí điểm	Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp	
23	Chuyên ngành thí điểm	Công nghệ tài chính	

3.4. Danh mục học phần bổ sung kiến thức cho đối tượng có bằng thạc sĩ ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức

STT	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	3
2	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3
3	Các công cụ phái sinh nâng cao	2
Tổng số		8

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 7-15 nghiên cứu sinh/năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

PLO1: Có kiến thức lý thuyết hiện đại, chuyên sâu và có hệ thống về một chủ đề cụ thể trong lĩnh vực TCNH; có khả năng tìm kiếm và cập nhật các kiến thức mới liên quan.

PLO2: Vận dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu hiện đại để giải quyết vấn đề mới có ý nghĩa khoa học /và thực tiễn trong lĩnh vực TCNH.

2. Về kỹ năng

PLO3: Có kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu và thông tin để tìm kiếm các luận cứ nhằm chứng minh cho một hoặc một số luận điểm khoa học của bản thân.

PLO4: Có kỹ năng trình bày và thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học trong lĩnh vực TCNH (bao gồm cả viết và nói) ở môi trường trong nước cũng như quốc tế.

PLO5: Có kỹ năng tổ chức, dẫn dắt nghiên cứu khoa học trình độ cao về TCNH; có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo; có tư duy phản biện.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học

PLO6: Có thái độ tự chủ và trách nhiệm giải trình trong công việc.

PLO7: Tôn trọng sự khác biệt và tính đa dạng của cá nhân, tổ chức.

PLO8: Có thể tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.

5. Về vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1:

Tiến sĩ TCNH có thể làm việc với tư cách là các chuyên gia cao cấp tại các doanh nghiệp và các định chế tài chính bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô,...

Nhóm 2:

Tiến sĩ TCNH có thể làm việc với tư cách là các chuyên gia hoạch định chính sách tại các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, bao gồm: Bộ tài chính, Ngân hàng nhà nước, Ủy ban chứng khoán, Tổng cục thuế, Hải quan, Kho bạc,...

Nhóm 3:

Tiến sĩ TCNH có thể tham gia nghiên cứu, tư vấn, giảng dạy trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đào tạo trong nước và quốc tế.

6. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo		
	PO1	PO2	PO3
PLO1	X		X
PLO2		X	
PLO3		X	
PLO4			X
PLO5			X
PLO6			X
PLO7			X
PLO8			X
PLO9		X	

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 90 tín chỉ, trong đó:

- Phần 1: Các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ: 10 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 8 tín chỉ
 - + Tự chọn: 2 tín chỉ
- Phần 2: Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan: 8 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
 - + Chuyên đề tự chọn 1: 2 tín chỉ
 - + Chuyên đề tự chọn 2: 2 tín chỉ
 - + Chuyên đề tự chọn 3: 2 tín chỉ
- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo*)
- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo)
- Phần 5: Luận án tiến sĩ: 72 tín chỉ

1.2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng cử nhân

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ (trừ học phần tiếng Anh B2 và Đề án tốt nghiệp) và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 120 tín chỉ, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung: 30 tín chỉ
 - + *Khối kiến thức chung*: 4 tín chỉ
 - + *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành*: 26 tín chỉ
 - Bắt buộc: 21 tín chỉ
 - Tự chọn: 05/12 tín chỉ
- Phần 2: Các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ: 10 tín chỉ
 - Bắt buộc: 8 tín chỉ
 - Tự chọn: 2 tín chỉ
- Phần 3: Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan: 8 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- + Chuyên đề tự chọn 1: 2 tín chỉ
- + Chuyên đề tự chọn 2: 2 tín chỉ
- + Chuyên đề tự chọn 3: 2 tín chỉ
- Phần 4: Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo*)
- Phần 5: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo*)
- Phần 6: Luận án tiến sĩ: 72 tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN TIẾN SĨ			10				
I. Bắt buộc			8				
1	UEB8001	Thiết kế nghiên cứu luận án <i>Thesis research design</i>	3	30	15	0	
2	FIB8103	Lý thuyết Tài chính chuyên sâu <i>Advanced Finance Theory</i>	3	30	15	0	
3	FIB8002	Lý thuyết Tiền tệ ngân hàng chuyên sâu <i>Advanced Monetary and Banking Theory</i>	2	15	15	0	
II. Tự chọn			2/4				
4	FIB8009	Kỹ thuật tài chính <i>Financial Engineering</i>	2	20	10	0	
5	FIB8007	Quản trị công ty trong các tổ chức tài chính <i>Governance of Financial Insitutions</i>	2	20	10	0	
PHẦN 2. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			8				
6	FIB8004	Chuyên đề tự chọn 1 <i>Optional topic 1</i>	2	0	0	30	
7	FIB8005	Chuyên đề tự chọn 2	2	0	0	30	

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
		<i>Optional topic 2</i>					
8	FIB8006	Chuyên đề tự chọn 3 <i>Optional topic 3</i>	2	0	0	30	
9	FIB 8116	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	

PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Tham gia đầy đủ các tại các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do Khoa/Viện/Trường tổ chức, quy định.
- Tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.
- Tham gia trực tiếp các đề tài nghiên cứu khoa học trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ, có liên quan đến đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh.
- Báo cáo trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại hội thảo/tọa đàm/sinh hoạt chuyên đề do Khoa/Viện tổ chức.
- Công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm. Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:
 - Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);
 - Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;
 - Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO

- Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo, tọa đàm cấp bộ môn/khoa tổ chức, quy định;

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
- Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập; - Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do Khoa/Viện/Trường tổ chức.							
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ			72				
10	FIB 9101	Luận án tiến sĩ	72	0	0	1080	
10.1	UEB8002	Báo cáo đề cương nghiên cứu	15	0	0	225	
10.2	UEB8003	Báo cáo cơ sở lý luận	5	0	0	75	
10.3	UEB8004	Báo cáo phương pháp nghiên cứu	7	0	0	105	
10.4	UEB8005	Báo cáo kết quả nghiên cứu và thảo luận	15	0	0	225	
10.5	UEB8006	Báo cáo tổng thể luận án cấp chuyên môn	15	0	0	225	
10.6	UEB8007	Báo cáo luận án cấp cuối cùng	15	0	0	225	
Tổng cộng			90				

Lưu ý:

- Trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể yêu cầu NCS học bổ sung những học phần cần thiết trong hoặc ngoài đơn vị đào tạo giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn thực hiện luận án. Các học phần bổ sung này do tiêu ban chuyên môn và cán bộ hướng dẫn đề nghị.

- Cán bộ hướng dẫn có thể đề nghị Hiệu trưởng quyết định thay thế một số học phần trong chương trình đào tạo bằng các học phần khác, hoặc bổ sung thêm một số học phần ngoài CTĐT cần thiết cho luận án của NCS.

2.2. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng cử nhân

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG			30				
I	Khối kiến thức chung		4				
1	PHI5003	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		26				
II.1	Các học phần bắt buộc		21				
2	FIB6058	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính <i>Money, Banking and Financial Markets</i>	3	30	15	0	
3	FIB6002	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao <i>Advanced Commercial Bank Management</i>	3	30	15	0	
4	FIB6032	Ngân hàng quốc tế nâng cao <i>Advanced International Banking</i>	3	30	15	0	
5	FIB6140	Hoạch định Tài chính cá nhân <i>Personal Finance Planning</i>	3	30	15	0	
6	FIB6059	Quản trị danh mục đầu tư <i>Portfolio Management</i>	3	30	15	0	
7	FIB6203	Tài chính doanh nghiệp nâng cao <i>Advanced Corporate Finance</i>	3	30	15	0	
8	FIB6037	Tài chính công nâng cao <i>Advanced Public Finance</i>	3	30	15	0	
II.2	Các học phần tự chọn		05/12				
9	FIB6101	Thuế quốc tế <i>International Taxation</i>	3	30	15	0	

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
10	FIB6214	Các công cụ phái sinh nâng cao <i>Advanced Derivatives</i>	2	20	10	0	
11	FIB6057	Các công cụ có thu nhập cố định nâng cao <i>Advanced Fixed Income</i>	3	30	15	0	
12	FIB6061	Quản lý Ngân hàng số <i>Digital Banking Management</i>	2	20	10	0	FIB6061
13	FIB6034	Dịch vụ ngân hàng ưu tiên <i>Priority Banking Services</i>	2	20	10	0	FIB6034
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN TIỀN SĨ			10				
I. Bắt buộc			8				
14	UEB8001	Thiết kế nghiên cứu luận án <i>Thesis research design</i>	3	30	15	0	
15	FIB8103	Lý thuyết Tài chính chuyên sâu <i>Advanced Finance Theory</i>	3	30	15	0	
16	FIB8002	Lý thuyết Tiền tệ ngân hàng chuyên sâu <i>Advanced Monetary and Banking Theory</i>	2	15	15	0	
II. Tự chọn			2/4				
17	FIB8009	Kỹ thuật tài chính <i>Financial Engineering</i>	2	20	10	0	
18	FIB8007	Quản trị công ty trong các tổ chức tài chính <i>Governance of Financial Insitutions</i>	2	20	10	0	

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
PHẦN 3. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			8				
19	FIB8004	Chuyên đề tự chọn 1 <i>Optional topic 1</i>	2	0	0	30	
20	FIB8005	Chuyên đề tự chọn 2 <i>Optional topic 2</i>	2	0	0	30	
21	FIB8006	Chuyên đề tự chọn 3 <i>Optional topic 3</i>	2	0	0	30	
22	FIB 8116	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
PHẦN 4. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầy đủ các tại các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo do Khoa/Viện/Trường tổ chức, quy định. - Tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. - Tham gia trực tiếp các đề tài nghiên cứu khoa học trong quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ, có liên quan đến đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh. - Báo cáo trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại hội thảo/tọa đàm/sinh hoạt chuyên đề do Khoa/Viện tổ chức. - Công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm. Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau: <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus); - Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN; 							

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
<p>- Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.</p>							
PHẦN 5. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
<p>- Tham gia đầy đủ các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo, tọa đàm cấp bộ môn/khoa tổ chức, quy định;</p> <p>- Trợ giảng bậc đại học/thạc sĩ hoặc hướng dẫn sinh viên, học viên thực hành, thực tập;</p> <p>- Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do Khoa/Viện/Trường tổ chức.</p>							
PHẦN 6. LUẬN ÁN TIẾN SĨ			72				
23	FIB 9101	Luận án tiến sĩ	72	0	0	1080	
23.1	UEB8002	Báo cáo đề cương nghiên cứu	15	0	0	225	
23.2	UEB8003	Báo cáo cơ sở lý luận	5	0	0	75	
23.3	UEB8004	Báo cáo phương pháp nghiên cứu	7	0	0	105	
23.4	UEB8005	Báo cáo kết quả nghiên cứu và thảo luận	15	0	0	225	
23.5	UEB8006	Báo cáo tổng thể luận án cấp chuyên môn	15	0	0	225	
23.6	UEB8007	Báo cáo luận án cấp cuối cùng	15	0	0	225	
Tổng cộng			130				

Lưu ý:

- Trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể yêu cầu NCS học bổ sung những học phần cần thiết trong hoặc ngoài đơn vị đào tạo giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn thực hiện luận án. Các học phần bổ sung này do tiêu ban chuyên môn và cán bộ hướng dẫn đề nghị.

- Cán bộ hướng dẫn có thể đề nghị Hiệu trưởng quyết định thay thế một số học phần trong chương trình đào tạo bằng các học phần khác, hoặc bổ sung thêm một số học phần ngoài CTĐT cần thiết cho luận án của NCS.

2.3. Ma trận đóng góp của các học phần trong chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra của chương trình

STT	Mã học phần		Chuẩn đầu ra							
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
1	UEB 8001	Thiết kế nghiên cứu luận án		3	4	4	4			3
2	FIB8103	Lý thuyết Tài chính chuyên sâu	4			3	4	3	4	3
3	FIB8002	Lý thuyết Tiền tệ ngân hàng chuyên sâu	4			3	3	4		3
4	FIB8009	Kỹ thuật tài chính		3	4		3	4		3
5	FIB8007	Quản trị công ty trong các tổ chức tài chính		4		3	4	4	4	3
6	FIB8004	Chuyên đề tự chọn 1	4					3		
7	FIB8005	Chuyên đề tự chọn 2		4				3		
8	FIB8006	Chuyên đề tự chọn 3		4	4			3		
9	FIB 8116	Tiểu luận tổng quan		4	4			3		
10	FIB9101	Luận án tiến sĩ	4	4	4	3	3	4		

Ghi chú: Đối với học phần bổ sung cho NCS có bằng cử nhân, ma trận đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng ma trận đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ tương ứng.